

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Quản trị chiến lược - 1104018

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110401801

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ - (04063)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100134	Nguyễn Quốc An	17/11/1994	<i>Quốc An</i>	8	Tám	C18QT	
2	1610100154	Đặng Ngọc Phương Ánh	06/11/1998	<i>Ánh</i>	8	Tám	C18QT	
3	1610100110	Trần Cao Ngọc Bình	29/04/1998	<i>Bình</i>	8	Tám	C18QT	
4	1610100102	Tạ Minh Công	04/10/1998	<i>Minh Công</i>	6.5	Sáu rưỡi	C18QT	
5	1610100124	Nguyễn Thị Hồng Diễm	23/07/1998	<i>Diễm</i>	8	Tám	C18QT	
6	1610100143	Nguyễn Thị Kim Dung	10/10/1998	<i>Dung</i>	8	Bảy	C18QT	
7	1610100120	Đặng Thị Hồng Đào	18/07/1998	<i>Hồng Đào</i>	8	Tám	C18QT	
8	1610100081	Phạm Thị Điệp	18/08/1998	<i>Điệp</i>	8	Bảy	C18QT	
9	1610100149	Đoàn Thị Thanh Giang	12/12/1998	<i>Thanh Giang</i>	8	Bảy	C18QT	
10	1610100078	Nguyễn Tuyết Ngân Giang	07/03/1998	<i>Ngân Giang</i>	8	Bảy	C18QT	
11	1610100099	Lương Thị Thu Hà	27/12/1998	<i>Thu Hà</i>	8	Tám	C18QT	
12	1610100105	Nguyễn Thanh Hà	25/02/1997	<i>Thanh Hà</i>	8	Tám	C18QT	
13	1610100107	Đoàn Quang Hào	02/03/1998	<i>Quang Hào</i>	6	Sáu	C18QT	
14	1610100130	Nguyễn Thị Thanh Hạ	09/09/1998	<i>Thanh Hạ</i>	9	Chín	C18QT	
15	1610100080	Trần Hữu Hạnh	28/12/1998	<i>Hạnh</i>	8	Bảy	C18QT	
16	1610100070	Trương Thị Thanh Hiền	05/04/1998	<i>Thanh Hiền</i>	8	Tám	C18QT	
17	1610100002	Nguyễn Thị Minh Hiếu	24/06/1998	<i>Minh Hiếu</i>	8	Bảy	C18QT	
18	1610100113	Phan Trung Hiếu	10/02/1997		X		C18QT	
19	1610100158	Lương Tấn Hoài	20/06/1996	<i>Tấn Hoài</i>	6	Sáu	C18QT	
20	1610100147	Bùi Thanh Hòa	04/03/1998	<i>Thanh Hòa</i>	9.5	Chín rưỡi	C18QT	
21	1610100139	Trần Mai Khánh Huyền	26/07/1998	<i>Mai Khánh Huyền</i>	8.5	Bảy rưỡi	C18QT	
22	1610100059	Lê Thị Mai Hương	27/02/1998	<i>Thị Mai Hương</i>	8	Bảy	C18QT	
23	1610100156	Nguyễn Thị Hương	15/12/1998	<i>Thị Hương</i>	8	Bảy	C18QT	
24	1610100133	Trịnh Trung Kiên	22/10/1997	<i>Trung Kiên</i>	8	Tám	C18QT	
25	1610100140	Khuất Thị Ngọc Linh	17/01/1998	<i>Thị Ngọc Linh</i>	8	Bảy	C18QT	
26	1610100142	Lê Phan Thị Mỹ Linh	19/09/1998	<i>Phan Thị Mỹ Linh</i>	8.5	Tám rưỡi	C18QT	
27	1610100038	Nguyễn Thị Kim Loan	13/02/1997	<i>Thị Kim Loan</i>	6	Sáu	C18QT	
28	1610100016	Nguyễn Thanh Long	14/07/1998	<i>Thanh Long</i>	8.5	Tám rưỡi	C18QT	
29	1610100082	Nguyễn Thị Luyến	17/12/1998	<i>Thị Luyến</i>	8	Tám	C18QT	
30	1610100031	Lê Thị Kiều My	28/07/1997	<i>Thị Kiều My</i>	8	Tám	C18QT	
31	1610100135	Trần Ngọc Trúc My	26/1/1998	<i>Ngọc Trúc My</i>	6	Sáu	C18QT	
32	1610100162	Phạm Thị Thúy Nga	20/05/1998	<i>Thị Thúy Nga</i>	6	Sáu	C18QT	
33	1510100048	Phan Lê Phương Ngân	19/5/1997		X		C17QT	
34	1610100144	Phạm Thị Kim Ngân	10/05/1994	<i>Thị Kim Ngân</i>	8	Tám	C18QT	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1610100131	Quách Thị Bích Ngọc	11/10/1998		6	Sau	C18QT	
36	1610100159	Lâm Thúy Nhi	13/05/1998		8	Tam	C18QT	
37	1610100123	Trần Ngọc Nhung	09/09/1998		8	Tam	C18QT	
38	1610100004	Trần Thị Kim Oanh	22/01/1998		7.5	Bảy năm	C18QT	
39	1610100009	Võ Hoàng Oanh	25/10/1995		8	Tam	C18QT	
40	1610100129	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/08/1998		9	chín	C18QT	
41	1610100127	Hà Duy Tân	19/05/1998		6	Sáu	C18QT	
42	1610100112	Hứa Thị Thu Thảo	22/8/1998		8	Bảy	C18QT	
43	1610100132	Lê Thạch Lan Thảo	04/04/1998		8	Bảy	C18QT	
44	1610100122	Nguyễn Thị Thảo	05/12/1994		8	Bảy	C18QT	
45	1610100125	Phan Thị Thu Thảo	10/09/1998		8	Bảy	C18QT	
46	1610100160	Lê Quang Thiện	13/10/1994		8	Bảy	C18QT	
47	1610100119	Nguyễn Hoàng Phú Thịnh	14/01/1998		7.5	Bảy năm	C18QT	
48	1610100137	Phan Hương Thủy	20/06/1998		8	Bảy	C18QT	
49	1610100015	Lê Thị Thương	07/01/1998		8	Bảy	C18QT	
50	1610100117	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/11/1998		8	Bảy	C18QT	
51	1610100118	Nguyễn Thị Kiều Tiên	16/06/1998		7.5	Bảy năm	C18QT	
52	1610100157	Trần Thị Mỹ Tiên	12/03/1998		7.5	Bảy năm	C18QT	
53	1610100069	Nguyễn Quang Tiễn	10/01/1994		8	Tam	C18QT	
54	1610100128	Hồ Thanh Tiễn	29/04/1997		8	Tam	C18QT	
55	1610100104	Phạm Minh Tiễn	18/05/1998		8	Tam	C18QT	
56	1610010001	Lê Anh Tính	24/02/1998		8	Tam	C18QT	
57	1610100148	Trần Văn Toàn	07/04/1997		8	Tam	C18QT	
58	1610100150	Nguyễn Đình Lê Trinh	06/10/1998		8	Bảy	C18QT	
59	1610100095	Trần Ngọc Phương Trinh	05/10/1998		7.5	Bảy năm	C18QT	
60	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhã Trúc	22/08/1998		7.5	Bảy năm	C18QT	
61	1610100146	Phạm Anh Tuấn	14/11/1995		8	Bảy	C18QT	
62	1610100152	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20/12/1998		7.5	Bảy năm	C18QT	
63	1610100005	Lê Đình Ánh Tuyết	17/12/1997		7.5	Bảy năm	C18QT	
64	1610100155	Võ Minh Vũ	06/09/1994		8	Tam	C18QT	
65	1610100022	Nguyễn Thị Hồng Xuân	02/03/1998		8	Bảy	C18QT	
66	1610100074	Lê Thị Mỹ Ý	07/08/1998		8	Bảy	C18QT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 64 vắng thi: 2 . Số bài thi: 64 / 64 .

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: , %

Ngày: 17 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Anh

Ngày: 17 tháng 07 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Ngọc Vũ

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKIII (2017 - 2018)

Môn học: Quản trị chiến lược

Mã bài thi: LCHN3

Thời gian thi: 24/07/2018 09:30:00

Thời gian kết thúc: 24/07/2018 10:30:00

Giám thị 1: Trần Phú Đạt Ký tên: Giám thị 2: Nguyễn Đức Đạt Ký tên: Giám thị 3: Trần Thị Kim Anh Ký tên: Giám thị 4: Trần Thị Hoa Ký tên: 

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100134	Nguyễn Quốc An	17/11/1994		7.2		C18QT	
2	1610100154	Đặng Ngọc Phương Anh	06/11/1998		5.8		C18QT	
3	1610100110	Trần Cao Ngọc Bình	29/04/1998		7.2		C18QT	
4	1610100102	Tạ Minh Công	04/10/1998		4.6		C18QT	
5	1610100120	Đặng Thị Hồng Đào	18/07/1998		7.2		C18QT	
6	1610100124	Nguyễn Thị Hồng Diễm	23/07/1998		6.8		C18QT	
7	1610100081	Phạm Thị Điệp	18/08/1998		5.8		C18QT	
8	1610100143	Nguyễn Thị Kim Dung	10/10/1998		5.8		C18QT	
9	1610100149	Đoàn Thị Thanh Giang	12/12/1998		6		C18QT	
10	1610100078	Nguyễn Tuyết Ngân Giang	07/03/1998		6		C18QT	
11	1610100099	Lương Thị Thu Hà	27/12/1998		6.6		C18QT	
12	1610100105	Nguyễn Thanh Hà	25/02/1997		7		C18QT	
13	1610100130	Nguyễn Thị Thanh Hạ	09/09/1998		7.6		C18QT	
14	1610100080	Trần Hữu Hạnh	28/12/1998		6.4		C18QT	
15	1610100107	Đào Quang Hào	02/03/1998		4.6		C18QT	
16	1610100070	Trương Thị Thanh Hiền	05/04/1998		6.8		C18QT	
17	1610100002	Nguyễn Thị Minh Hiếu	24/06/1998		5.4		C18QT	
18	1610100147	Bùi Thanh Hòa	04/03/1998		8.6		C18QT	
19	1610100158	Lương Tấn Hoài	20/06/1996		4.6		C18QT	
20	1610100156	Nguyễn Thị Hương	15/12/1998		5.6		C18QT	
21	1610100059	Lê Thị Mai Hương	27/02/1998		6.4		C18QT	
22	1610100139	Trần Mai Khánh Huyền	26/07/1998		4		C18QT	
23	1610100133	Trịnh Trung Kiên	22/10/1997		6.8		C18QT	
24	1610100140	Khuất Thị Ngọc Linh	17/01/1998		5.6		C18QT	
25	1610100142	Lê Phan Thị Mỹ Linh	19/09/1998		7.6		C18QT	
26	1610100038	Nguyễn Thị Kim Loan	13/02/1997		5.2		C18QT	
27	1610100016	Nguyễn Thanh Long	14/07/1998		7.4		C18QT	
28	1610100082	Nguyễn Thị Luyên	17/12/1998		6.8		C18QT	
29	1610100031	Lê Thị Kiều My	28/07/1997		7.2		C18QT	
30	1610100135	Trần Ngọc Trúc My	26/01/1998		5.2		C18QT	
31	1610100162	Phạm Thị Thúy Nga	20/05/1998		5.2		C18QT	
32	1610100144	Phạm Thị Kim Ngân	10/05/1994		6.8		C18QT	
33	1610100131	Quách Thị Bích Ngọc	11/10/1998		5.2		C18QT	
34	1610100159	Lâm Thúy Nhi	13/05/1998		7		C18QT	
35	1610100123	Trần Ngọc Nhung	09/09/1998		7		C18QT	
36	1610100004	Trần Thị Kim Oanh	22/01/1998		6.6		C18QT	
37	1610100009	Võ Hoàng Oanh	25/10/1995		7.2		C18QT	
38	1610100129	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/08/1998		8		C18QT	
39	1610100127	Hà Duy Tân	19/05/1998		5		C18QT	
40	1610100125	Phan Thị Thu Thảo	10/09/1998		4.4		C18QT	
41	1610100122	Nguyễn Thị Thảo	05/12/1994		8		C18QT	
42	1610100132	Lê Thạch Lan Thảo	04/04/1998		8.6		C18QT	
43	1610100160	Lê Quang Thiện	13/10/1994		4.6		C18QT	

44	1610100119	Nguyễn Hoàng Phú Thịnh	14/01/1998	4.4	C18QT
45	1610100015	Lê Thị Thương	07/01/1998	5.2	C18QT
46	1610100137	Phan Hương Thủy	20/06/1998	4.2	C18QT
47	1610100157	Trần Thị Mỹ Tiên	12/03/1998	5.8	C18QT
48	1610100117	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/11/1998	6.2	C18QT
49	1610100118	Nguyễn Thị Kiều Tiên	16/06/1998	6.8	C18QT
50	1610100104	Phạm Minh Tiến	18/05/1998	5.2	C18QT
51	1610100128	Hồ Thanh Tiến	29/04/1997	8.6	C18QT
52	1610100069	Nguyễn Quang Tiên	10/01/1994	6.6	C18QT
53	1610010001	Lê Anh Tĩnh	24/02/1998	5.8	C18TH
54	1610100148	Trần Văn Toàn	07/04/1997	5.4	C18QT
55	1610100150	Nguyễn Đình Lê Trinh	06/10/1998	7.4	C18QT
56	1610100095	Trần Ngọc Phương Trinh	05/10/1998	7	C18QT
57	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhã Trúc	22/08/1998	5.4	C18QT
58	1610100146	Phạm Anh Tuấn	14/11/1995	5.2	C18QT
59	1610100152	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	20/12/1998	7.4	C18QT
60	1610100005	Lê Đình Ánh Tuyết	17/12/1997	5.8	C18QT
61	1610100155	Võ Minh Vũ	06/09/1994	8	C18QT
62	1610100022	Nguyễn Thị Hồng Xuân	02/03/1998	6.4	C18QT
63	1610100074	Lê Thị Mỹ Ý	07/08/1998	5.6	C18QT

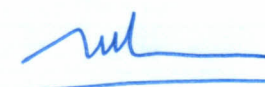
Số sinh viên dự thi: 63

Số sinh viên đạt: 63

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

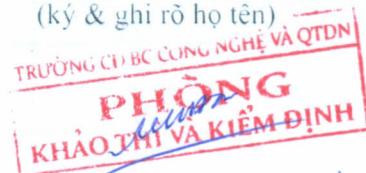
(ký & ghi rõ họ tên)


 Trần Thị Kim Ánh

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

(ký & ghi rõ họ tên)




 Đồng Minh Đạt

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Quản trị chiến lược - 1104018

Mã lớp học phần: 110401801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ

Ngày thi: 24/07/2018

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trần Phú Di Ký tên: phud

Giám thị 2: Ngô Đức Thanh Ký tên: W

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100144	Phạm Thị Kim	Ngân	10/05/1994				C18QT	
2	1610100131	Quách Thị Bích	Ngọc	11/10/1998				C18QT	Nợ HP
3	1610100159	Lâm Thúy	Nhi	13/05/1998				C18QT	
4	1610100123	Trần Ngọc	Nhung	09/09/1998				C18QT	Nợ HP
5	1610100004	Trần Thị Kim	Oanh	22/01/1998				C18QT	
6	1610100009	Võ Hoàng	Oanh	25/10/1995				C18QT	
7	1610100139	Nguyễn Thị Thanh	Phương	15/08/1998				C18QT	
8	1610100127	Hà Duy	Tân	19/05/1998				C18QT	Nợ HP
9	1610100112	Hứa Thị Thu	Thảo	22/8/1998				C18QT	Nợ HP
10	1610100132	Lê Thạch Lan	Thảo	04/04/1998				C18QT	
11	1610100122	Nguyễn Thị	Thảo	05/12/1994				C18QT	Nợ HP
12	1610100125	Phan Thị Thu	Thảo	10/09/1998				C18QT	Nợ HP
13	1610100160	Lê Quang	Thiện	13/10/1994				C18QT	Nợ HP
14	1610100119	Nguyễn Hoàng Phú	Thịnh	14/01/1998				C18QT	Nợ HP
15	1610100137	Phan Hương	Thủy	20/06/1998				C18QT	
16	1610100015	Lê Thị	Thương	07/01/1998				C18QT	Nợ HP
17	1610100117	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	06/11/1998				C18QT	Nợ HP
18	1610100118	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	16/06/1998				C18QT	Nợ HP
19	1610100157	Trần Thị Mỹ	Tiên	12/03/1998				C18QT	Nợ HP
20	1610100069	Nguyễn Quang	Tiến	10/01/1994				C18QT	
21	1610100128	Hồ Thanh	Tiến	29/04/1997				C18QT	
22	1610100104	Phạm Minh	Tiến	18/05/1998				C18QT	
23	1610010001	Lê Anh	Tính	24/02/1998				C18QT	Nợ HP
24	1610100148	Trần Văn	Toàn	07/04/1997				C18QT	Nợ HP
25	1610100150	Nguyễn Đình Lê	Trình	06/10/1998				C18QT	
26	1610100095	Trần Ngọc Phương	Trình	05/10/1998				C18QT	Nợ HP
27	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhã	Trúc	22/08/1998				C18QT	
28	1610100146	Phạm Anh	Tuấn	14/11/1995				C18QT	Nợ HP
29	1610100152	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	20/12/1998				C18QT	
30	1610100005	Lê Đình Ánh	Tuyết	17/12/1997				C18QT	Nợ HP
31	1610100155	Võ Minh	Vũ	06/09/1994				C18QT	
32	1610100022	Nguyễn Thị Hồng	Xuân	02/03/1998				C18QT	Nợ HP

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1610100074	Lê Thị Mỹ Ý	07/08/1998	<i>myy</i>				C18QT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 1 Số bài thi/Số tờ: 32 / 32.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Anh

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Đỗ Minh Đại

TRƯ.
KH.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Quản trị chiến lược - 1104018

Mã lớp học phần: 110401801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Ngọc Vũ

Ngày thi: 24/07/2018

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Trần Thị Kim Anh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610100134	Nguyễn Quốc An	17/11/1994	<u>[Signature]</u>				C18QT	
2	1610100154	Đặng Ngọc Phương Ánh	06/11/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
3	1610100110	Trần Cao Ngọc Bình	29/04/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
4	1610100102	Tạ Minh Công	04/10/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
5	1610100124	Nguyễn Thị Hồng Diễm	23/07/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
6	1610100143	Nguyễn Thị Kim Dung	10/10/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
7	1610100120	Đặng Thị Hồng Đào	18/07/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
8	1610100081	Phạm Thị Diệp	18/08/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
9	1610100149	Đoàn Thị Thanh Giang	12/12/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
10	1610100078	Nguyễn Tuyết Ngân Giang	07/03/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
11	1610100099	Lương Thị Thu Hà	27/12/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
12	1610100105	Nguyễn Thanh Hà	25/02/1997	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
13	1610100107	Đoàn Quang Hào	02/03/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
14	1610100130	Nguyễn Thị Thanh Hạ	09/09/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
15	1610100080	Trần Hữu Hạnh	28/12/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
16	1610100070	Trương Thị Thanh Hiền	05/04/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
17	1610100002	Nguyễn Thị Minh Hiếu	24/06/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
18	1610100113	Phan Trung Hiếu	10/02/1997					C18QT	Nợ HP
19	1610100158	Lương Tấn Hoài	20/06/1996	<u>[Signature]</u>				C18QT	
20	1610100147	Bùi Thanh Hòa	04/03/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
21	1610100139	Trần Mai Khánh Huyền	26/07/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
22	1610100059	Lê Thị Mai Hương	27/02/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
23	1610100156	Nguyễn Thị Hương	15/12/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
24	1610100133	Trịnh Trung Kiên	22/10/1997	<u>[Signature]</u>				C18QT	
25	1610100140	Khuất Thị Ngọc Linh	17/01/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
26	1610100142	Lê Phan Thị Mỹ Linh	19/09/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
27	1610100038	Nguyễn Thị Kim Loan	13/02/1997	<u>[Signature]</u>				C18QT	
28	1610100016	Nguyễn Thanh Long	14/07/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
29	1610100082	Nguyễn Thị Luyến	17/12/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	
30	1610100031	Lê Thị Kiều My	28/07/1997	<u>[Signature]</u>				C18QT	
31	1610100135	Trần Ngọc Trúc My	26/1/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	Nợ HP
32	1610100162	Phạm Thị Thúy Nga	20/05/1998	<u>[Signature]</u>				C18QT	

	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1510100048	Phan Lê Phương Ngân	19/5/1997					C17QT	Nợ HP

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đồng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: 31 / 31 .

Số sinh viên đạt: _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Anh

TRL

KH

Ngày. 29 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG CỤC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG

KIỂM THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

Đồng Núi Đạc